

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPHN2 ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử

Tiếng Anh: History Education

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử;

Mã số: D140218

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Sư phạm Lịch sử

Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Vị trí việc làm: Giáo viên môn Lịch sử cấp trung học

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Thạc sĩ, tiến sĩ ngành Lịch sử, Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, các chuyên ngành gần với ngành Sư phạm Lịch sử

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 9/2022.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có phẩm chất, đạo đức, sức khỏe tốt, có năng lực nghề nghiệp vững vàng để thực hiện nhiệm vụ giáo dục Lịch sử cùng các nhiệm vụ khác của người giáo viên ở trường trung học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; có khả năng tự học để nâng cao trình độ, phát triển chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Có phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân, có ý thức tự rèn luyện đạo đức và xây dựng phong cách nhà giáo, có sức khỏe tốt.
M2	Nắm vững các nội dung dạy học Lịch sử và giáo dục học sinh ở trường trung học.
M3	Có khả năng thiết kế, tổ chức, hỗ trợ học sinh phát triển phẩm chất, năng lực thông dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục khác ở trường trung học.

Mã	Mô tả
M4	Có khả năng thu hút cộng đồng tham gia vào quá trình dạy học và giáo dục học sinh.
M5	Có khả năng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.
M6	Có khả năng quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn ở trường trung học.
M7	Có khả năng tư vấn các vấn đề liên quan đến công tác dạy học và giáo dục học sinh ở trường trung học.
M8	Có khả năng thực hiện nghiên cứu về khoa học lịch sử, khoa học giáo dục trong bối cảnh trường trung học.
M9	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
C2	Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên môn Lịch sử ở trường trung học.
C3	Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
C4	Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
C5	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện, thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn.
C6	Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong quá trình dạy học Lịch sử và giáo dục ở trường trung học.

Mã	Mô tả
C7	Huy động được sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử cho học sinh trung học.
C8	Đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân để lập kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.
C9	Hỗ trợ được đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.
C10	Quản lý, điều hành được các hoạt động chuyên môn ở trường trung học.
C11	Tư vấn, hỗ trợ được cho học sinh trung học trong quá trình dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.
C12	Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
C13	Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
C14	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C15	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua tập luyện một số môn thể dục thể thao.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu¹

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể								
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9
C1	X								
C2		X	X	X					
C3		X		X	X			X	
C4			X						
C5			X						
C6			X						
C7			X						
C8			X						
C9					X				X
C10						X			

¹ Lần lượt rà soát sự phù hợp của từng Chuẩn đầu ra CTĐT với các tiểu mục tiêu CTĐT. Nếu chuẩn phù hợp với tiểu mục tiêu nào, tích dấu "X" vào ô giao giữa hàng tương ứng với chuẩn đầu ra và cột tương ứng với tiểu mục tiêu.

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể								
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9
C11							X		
C12								X	
C13									X
C14			X		X			X	
C15	X								

2.3. Các chỉ số thực hiện

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
C1	<p>C1.1: Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>C1.2: Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống;</p> <p>C1.3: Nhận diện được quan điểm sai trái, phản động và có thể đưa ra ý kiến phản biện trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học.</p>
C2	<p>C2.1: Vận dụng được tri thức về tâm lí học, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên Lịch sử ở trường trung học;</p> <p>C2.2: Vận dụng được tri thức về lý luận dạy học, lý luận giáo dục để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên Lịch sử ở trường phổ thông ;</p> <p>C2.3 : Xây dựng được kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp.</p>
C3	<p>C3.1: Vận dụng được những kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học;</p> <p>C3.2: Vận dụng được những kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc giáo dục lịch sử ở trường trung học.</p>
C4	<p>C4.1: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kĩ thuật dạy học môn lịch sử để phát triển phẩm chất, năng lực của học;</p> <p>C4.2: Vận dụng thành thạo các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.</p>
C5	<p>C5.1: Lựa chọn và sử dụng thành thực các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ thích hợp để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học Lịch sử ở trường phổ thông;</p>

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
	<p>C5.2: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng vào giáo dục và quản lí học sinh;</p> <p>C5.3: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng để hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ.</p>
C6	<p>C6.1: Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong quá trình dạy học Lịch sử ở trường trung học;</p> <p>C6.2: Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong giáo dục ở trường trung học.</p>
C7	<p>C7.1: Huy động được sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động dạy học lịch sử cho học sinh trung học;</p> <p>C7.2: Huy động được sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động giáo dục lịch sử cho học sinh trung học.</p>
C8	<p>C8.1: Đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân;</p> <p>C8.2: Lập được kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ;</p> <p>C8.3: Thực hiện hiệu quả kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.</p>
C9	<p>C9.1: Phát hiện được những vấn đề cần hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ của đồng nghiệp;</p> <p>C9.2: Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ;</p> <p>C9.3: Thực hiện hiệu quả kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ của đồng nghiệp.</p>
C10	<p>C10.1: Quản lý, điều hành được các hoạt động chuyên môn ở trường trung học.</p>
C11	<p>C11.1: Tư vấn, hỗ trợ được cho học sinh trung học trong quá trình dạy học, giáo dục;</p> <p>C11.2: Tư vấn về hỗ trợ được học sinh trong quá trình hướng nghiệp.</p>
C12	<p>C12.1: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử;</p> <p>C12.2: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.</p>
C13	<p>C13.1: Hoàn thành được công việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được giao;</p> <p>C13.2: Hoàn thành được công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm với nhóm về nhiệm vụ được giao.</p>

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
C14	<p>C14.1: Hiểu được các ý chính của một văn bản hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...</p> <p>C14.2: Có thể xử lý hầu hết các tình huống đơn giản yêu cầu sử dụng Tiếng Anh xảy ra trong giao tiếp thường ngày;</p> <p>C14.3: Viết được văn bản tiếng Anh đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm;</p> <p>C14.4: Sử dụng tiếng Anh để mô tả những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão, kế hoạch của bản thân và trình bày ngắn gọn các lý do liên quan.</p>
C15	<p>Đối với một số môn thể dục thể thao phổ biến:</p> <p>C15.1: Mô tả được các tác dụng, kỹ thuật cơ bản và quy định chính.</p> <p>C15.2: Thực hiện các động tác cơ bản đúng kỹ thuật và quy định;</p> <p>C15.3: Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện các môn thể dục thể thao.</p>

3. Chuẩn đầu vào

Tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Giáo dục đại cương <i>(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh)</i>	22
I.1	Giáo dục chính trị	11
I.2	Kiến thức đại cương	04
I.3	Ngoại ngữ	07
I.4	Giáo dục thể chất	03
II	Giáo dục chuyên ngành	113
II.1	Cơ sở ngành/nhóm ngành	12
II.2	Chuyên ngành	57
	- <i>Bắt buộc</i>	45
	- <i>Tự chọn</i>	12
II.3	Nghiệp vụ sư phạm	37
	- <i>Bắt buộc</i>	33
	- <i>Tự chọn</i>	04
II.4	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	07

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
	TỔNG	135

5. Chiến lược dạy - học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học.

Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) **Dạy học phân hóa (Differentiated Instruction)**: Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) **Học tập tích cực (Active Learning)**: Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội....

(3) **Học tập theo câu hỏi (Inquiry-Based Learning)**: Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) **Học tập kết hợp (Blended Learning)**: Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp. Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) **Lớp học đảo ngược (flipped classroom)**: Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy. Thời gian lên lớp trực tiếp

(6) **Học tập hợp tác**: Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và xã hội.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.

b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kì phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. Cách thức đánh giá

7.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

7.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

7.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần.

Điểm học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (được làm tròn tới một chữ số thập phân). Các hình thức đánh giá, loại điểm thành phần và trọng số mỗi loại điểm thành phần được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

7.2.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kì, năm học

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;
- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khoá học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;
- Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khoá học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

8. Nội dung chương trình

8.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
I	Giáo dục đại cương		22						
I.1	Giáo dục chính trị								
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	3	32	26			92	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	2	21	18			61	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	2	21	18			61	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	2	21	18			61	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CT115	2	21	18			61	
I.2	Kiến thức đại cương								
6	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			55	
7	Tin học	TH101	2	15	15	15		55	
I.3	Ngoại ngữ								
8	Tiếng Anh B1.1	TA101	3	30	15	15		90	
9	Tiếng Anh B1.2	TA102	2	15	15	15		55	
10	Tiếng Anh B1.3	TA103	2	15	15	15		55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
I.4	Giáo dục thể chất								
11	Giáo dục thể chất 1	TC101	1			30		20	
12	Giáo dục thể chất 2	TC102	1			30		20	
13	Giáo dục thể chất 3	TC103	1			30		20	
II	Giáo dục chuyên ngành		113						
II.1	Cơ sở ngành		12						
14	Địa lý tự nhiên Việt Nam	ĐL301	2	15	30			55	
15	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	LS302	2	15	30			55	
16	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	LS303	2	15	30			55	
17	Cơ sở khảo cổ học	LS422	2	15	30			55	
18	Lịch sử văn minh thế giới	LS202	2	15	30			55	
19	Lịch sử văn hóa Việt Nam	LS216	2	15	30			55	
II.2	Chuyên ngành		57						
	<i>Bắt buộc</i>		45						
20	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	LS206.1	4	45	30			125	
21	Lịch sử thế giới cận đại	LS207.1	4	45	30			125	
22	Lịch sử thế giới hiện đại	LS208.1	4	45	30			125	
23	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	LS209	5	60	30			160	
24	Lịch sử Việt Nam cận đại	LS210.1	4	45	30			125	
25	Lịch sử Việt Nam hiện đại	LS211	5	60	30			160	
26	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	LS435	2	15	30			55	
27	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI)	LS205.1	3	30	30			90	
28	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	LS217	3	30	30			90	
29	Thực tế Lịch sử Việt Nam	LS218.1	1			30		20	
30	Lịch sử Đông Nam Á	LS562.1	2	15	30			55	
31	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	LS234.1	3	30	30			90	
32	Lịch sử quan hệ quốc tế	LS215	2	15	30			55	
33	Tiếng Anh chuyên ngành	LS219	3	30	30			90	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<i>Tự chọn (Chọn 6 chuyên đề trong các tự chọn dưới đây)</i>			12						
<i>Tự chọn 1: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2						
34	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	LS553	2	15	30			55	
35	Làng xã Việt Nam	LS554	2	15	30			55	
<i>Tự chọn 2: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2						
36	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)	LS556	2	15	30			55	
37	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	LS557	2	15	30			55	
<i>Tự chọn 3: chọn 1 trong 3 chuyên đề</i>			2						
38	Lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam	LS226	2	15	30			55	
39	Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam	LS647	2	15	30			55	
40	Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	LS561	2	15	30			55	
<i>Tự chọn 4: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2						
41	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	LS231	2	15	30			55	
42	Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại	LS232	2	15	30			55	
<i>Tự chọn 5: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2						
43	Các phong trào duy tân, cải cách ở Châu Á thế kỷ XIX-XX	LS566	2	15	30			55	
44	Một số vấn đề về lịch sử Trung Đông	LS568							
<i>Tự chọn 6: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2						
45	Một số tổ chức quốc tế và khu vực	LS569	2	15	30			55	
46	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	LS570	2	15	30			55	
II.3	Nghiệp vụ sư phạm		37						
<i>Bắt buộc</i>			33						
47	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	2	15	30			55	
48	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	2	15	30			55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
49	Tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi THPT (Tâm lý học 2)	TL502	2	15	30			55	
50	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường THPT (Giáo dục học 2)	GD502	2	15	30			55	
51	Lý luận dạy học Lịch sử	LS573	2	15	30			55	
52	Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học	LS574	3	30	30			90	
53	Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường trung học	LS575	3	30	30			90	
54	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực	LS308	2	15	30			55	
55	Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học	LS305	2	15	15	15		55	
56	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	LS306	2	15	30			55	
57	Thực hành sư phạm 1	TH301	3				60	90	
58	Thực hành sư phạm 2	TH302	2				60	90	
59	Thực tập sư phạm 1	TT301	3				150		
60	Thực tập sư phạm 2	TT302	4				200		
<i>Tự chọn (Chọn 2 trong số các học phần)</i>			4						
61	Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học	TL503	2	15		30		55	
62	Tham vấn học đường	TL504	2	15		30		55	
63	Giao tiếp sư phạm	TL505	2	15		30		55	
64	Những vấn đề giáo dục cần cập nhật	GD503	2	15	15	15		55	
65	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	LS307	2	15	30			55	
66	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường trung học	LS304	2	15	30			55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
67	Phát triển chương trình môn học Lịch sử ở trường trung học	LS309	2	15	30			55	
68	Xây dựng chuyên đề trong dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực.	LS310	2	15	30			55	
II.4	<i>Khoá luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</i>								
69	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	LS401	7					350	
	<i>Các học phần thay thế</i>								
	<i>Bắt buộc</i>		3						
70	Một số vấn đề phương pháp dạy học lịch sử	LS402	3	30	30			90	
	<i>Tự chọn: chọn 1 trong 2 học phần sau</i>		4						
71	Một số vấn đề lịch sử Việt Nam	LS403	4	45	30			125	
72	Một số vấn đề lịch sử thế giới	LS404	4	45	30			125	
	TỔNG CỘNG:		135						

8.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
CT111	T														
CT112	T														
CT113	T														
CT103	T														
CT115	T														
PL101	T														
TH101					T										
TA101														T	
TA102														T	
TA103														T	
TC101															T
TC102															T

Học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
TC103															T
ĐL301			T												
LS302			T												
LS303			T												
LS422			T												
LS202			T												
LS216			T												
LS206.1			T												
LS207.1			T												
LS208.1			T												
LS209			T												
LS210.1			T												
LS211			T												
LS435			T												
LS205.1			T												
LS217			T												
LS218.1			T												
LS562.1			T												
LS234.1			T												
LS215			T												
LS219									T		T				
LS553			T												
LS554			T												
LS556			T												
LS557			T												
LS226			T												
LS647			T												
LS561			T												
LS231			T												
LS232			T												
LS566			T												
LS568			T												
LS569			T												
LS570			T												
TL501		T													
TL502		T													

Học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
GD501		T													
GD502		T													
LS573			T												
LS574				T											
LS575				T											
LS308						T		T	T						
LS305				T				T	T						
LS306								T	T			T	T		
TH301		T	T	T		T	T				T				
TH302		T	T	T		T	T				T				
TT301		T	T	T		T	T			T	T				
TT302		T	T	T		T	T			T	T				
TL503											T				
TL504		T													
TL505		T													
GD503		T													
LS307			T				T						T		
LS304					T				T				T		
LS309									T	T					
LS310			T							T			T		
LS401												T	T		
LS402				T											
LS403			T												
LS404			T												

9. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã số môn học	TÊN MÔN HỌC	Số TC	NĂM/HỌC KỲ												
			I		II		III		IV						
			1	2	3	4	5	6	7	8					
B1101	Tiếng Anh B1.1	3	x												
CT111	Triết học Mác - Lênin	3	x												
TH101	Tin học	2	x												
TC101	Giáo dục thể chất 1	1													
LS303	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	2	x												

Mã số môn học	TÊN MÔN HỌC	Số TC	NĂM/HỌC KỲ							
			I		II		III		IV	
			1	2	3	4	5	6	7	8
LS206.1	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	x							
ĐL301	Địa lý tự nhiên Việt Nam	2	x							
Tổng cộng kỳ 1: 17 TC										
CT112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		x						
PL101	Pháp luật đại cương	2		x						
B1102	Tiếng Anh B1.2	2		x						
TL501	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	2		x						
GD501	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	2		x						
TC102	Giáo dục thể chất 2	1		x						
LS422	Cơ sở khảo cổ học	2		x						
LS209	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	5		x						
Tổng cộng kỳ 2: 18 TC										
CT113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			x					
B1103	Tiếng Anh B1.3	2			x					
TL502	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (Tâm lý học 2)	2			x					
GD502	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông (Giáo dục học 2)	2			x					
TC103	Giáo dục thể chất 3	1			x					
LS207.1	Lịch sử thế giới cận đại	4			x					
LS573	Lý luận dạy học lịch sử	2			x					
LS574	Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học	3			x					
LS306	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2			x					
Tổng cộng kỳ 3: 20 TC										
CT103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				x				
TH301	Thực hành sư phạm 1	2				x				
LS210.1	Lịch sử Việt Nam cận đại	4				x				
LS435	Vương quốc cổ Champa Phù Nam	2				x				

Mã số môn học	TÊN MÔN HỌC	Số TC	NĂM/HỌC KỲ							
			I		II		III		IV	
			1	2	3	4	5	6	7	8
LS575	Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường trung học	3				x				
LS308	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực	2				x				
LS202	Lịch sử văn minh thế giới	2				x				
	Tự chọn NVSP 1	2								
Tổng cộng kỳ 4: 19 TC										
CT115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					x			
LS208.1	Lịch sử thế giới hiện đại	4					x			
LS205.1	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI)	3					x			
LS305	Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học	2					x			
LS219	Tiếng Anh chuyên ngành	3					x			
TT301	Thực tập sư phạm 1	3					x			
Tổng cộng kỳ 5: 17 TC										
LS562.1	Lịch sử Đông Nam Á	2						x		
LS211	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5						x		
LS234.1	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	3						x		
LS215	Lịch sử quan hệ quốc tế	2						x		
LS216	Lịch sử văn hóa Việt Nam	2						x		
LS217	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3						x		
	Tự chọn NVSP 2	2						x		
Tổng cộng kỳ 6: 19 TC										
LS302	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	2								
	Tự chọn 1 (LSVN)	2							x	
	Tự chọn 2 (LSVN)	2							x	
	Tự chọn 3 (LSVN)	2							x	
	Tự chọn 4 (LSTG)	2							x	
	Tự chọn 5 (LSTG)	2							x	

Mã số môn học	TÊN MÔN HỌC	Số TC	NĂM/HỌC KỲ								
			I		II		III		IV		
			1	2	3	4	5	6	7	8	
	Tự chọn 6 (LSTG)	2								x	
TH302	Thực hành sư phạm 2	2									
Tổng cộng kỳ 7: 16 TC											
LS218.1	Thực tế Lịch sử Việt Nam	1									x
	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các môn thay thế)	7									x
TT302	Thực tập sư phạm 2	4									x
Tổng cộng kỳ 8: 12 TC											
Tổng cộng toàn khóa: 135 (không tính 03tc GDTC)											

10. Mô tả tóm tắt các học phần

10.1. *Triết học Mác - Lênin (03 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin và giúp người học có khả năng đánh giá, giải quyết một vấn đề chính trị - xã hội cụ thể dựa trên thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng của Triết học Mác - Lênin; Môn học có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,...

10.2. *Kinh tế chính trị Mác - Lênin (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

10.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khoa học về CNXH để người học hiểu một cách đúng đắn những lý luận về con đường cách mạng vô sản của giai cấp công nhân và sự vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với Triết học Mác - Lênin và Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

10.4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh, góp phần tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam; Môn học có quan

hệ chặt chẽ đến các môn học có kiến thức về văn hóa, đạo đức; về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

10.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng; Môn học có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý luận chính trị vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

10.6. Pháp luật đại cương (02 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng; Môn học có liên quan đến các môn học có nội dung giáo dục đạo đức và pháp luật trong chương trình ngành Sư phạm GDTC; có quan hệ trực tiếp với lĩnh vực giáo dục đạo đức – công dân trong chương trình GDPT hiện hành và môn học Giáo dục kinh tế và Pháp luật trong chương trình GDPT mới (năm 2018).

10.7. Tin học (02 tín chỉ)

Môn Tin học tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học bao gồm: kiến thức cơ bản về máy tính; kiến thức về mạng máy tính và Internet; kiến thức và kỹ năng làm việc với các ứng dụng văn phòng.

10.8. Tiếng Anh B1.1 (3 tín chỉ)

Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; củng cố và nâng cao vốn từ vựng.

10.9. Tiếng Anh B1.2 (2 tín chỉ)

Nắm được kiến thức ngữ pháp cơ bản, kiến thức đất nước học, phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ,

10.10. Tiếng Anh B1.3 (2 tín chỉ)

Nắm vững những kiến thức cơ bản của tiếng Anh và có thể truyền đạt những nhu cầu đơn giản và cơ bản. Có thể hiểu các câu và cấu trúc thông dụng về các lĩnh vực liên quan trực tiếp nhất. Có thể giao tiếp trong các công việc đơn giản và lặp lại đòi hỏi việc trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc và lặp lại. Có thể mô tả bằng từ ngữ đơn giản các khía cạnh về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

10.11. Giáo dục thể chất 1 (01 tín chỉ)

Môn học GDTC 1 được cấu trúc gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành

- Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y – Sinh học TDTT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

+ Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục.

- + Thực hành nội dung chạy cự ly trung bình.
- + Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

10.12. Giáo dục thể chất 2, giáo dục thể chất 3 (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDTT, y – sinh học TDTT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động.

Nội dung môn học GDTC 2, GDTC 3 bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

10.13. Địa lý tự nhiên Việt Nam (2 tín chỉ)

Là một môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Sau khi hoàn thành môn học này người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên Việt Nam và phân vùng tự nhiên. Điều này giúp người học hiểu được đặc điểm tự nhiên và xác định được những tiềm năng/cơ hội-hạn chế/thách thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên theo các mùa trong năm, theo từng vùng/miền của người dân Việt Nam từ xưa đến nay trong sản xuất, sinh hoạt

Môn học này có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản cho việc tiếp cận, nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí bậc trung học cơ sở cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay.

10.14. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam (02 tín chỉ)

Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này người học được trang bị các kiến thức từ nguồn gốc lịch sử, tên gọi, địa bàn cư trú, các sinh hoạt kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc ở Việt Nam. Đặc biệt là sự đóng góp công sức của cả 54 thành phần dân tộc vào quá trình dựng nước và giữ nước. Tuy mỗi dân tộc có vị trí, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử riêng, nhưng đều tồn tại và phát triển trong khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

Môn học cũng cung cấp những kiến thức về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ cơ sở lý luận đến thực tiễn và các nguyên tắc cơ bản để xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc. Những chính sách đó đã trải nghiệm qua thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân các dân tộc ở nước ta. Thành công lớn nhất của chính sách dân tộc ở Việt Nam là luôn tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc Việt nam. Đó là sức mạnh phi thường và trường tồn để Việt Nam tồn tại và phát triển.

10.15. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học (02 tín chỉ)

Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: những nội dung cơ bản của khái niệm lịch sử, sử học và khoa học lịch sử, xác định rõ đối tượng nghiên cứu chức năng nhiệm vụ và vai trò của sử học. Nhập môn sử học trang bị những kiến thức cơ bản về các ngành (phân môn) của khoa học lịch sử và mối liên hệ giữa khoa học lịch sử và các khoa học khác. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc phân kỳ Lịch sử, quan điểm và sự phát triển của lịch sử.

Đây là môn học tiên quyết, cơ sở cho các môn học nghiệp vụ của Cử nhân sư phạm Lịch sử.

10.16. Cơ sở khảo cổ học (2 tín chỉ)

Cơ sở khảo cổ học là một môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự tiến hóa của loài người qua các thời đại khảo cổ. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học những nội dung cốt lõi về văn hóa nhân loại qua các thời đại khảo cổ từ thời đại đá, thời đại đồng, thời đại sắt đến giai đoạn hình thành nhà nước ở Việt Nam và thế giới.

Học phần *Cơ sở khảo cổ học* có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành như Lịch sử Việt Nam và Lịch sử thế giới giúp cung cấp những tư liệu bằng vật thật để minh chứng xác đáng cho quá trình hình thành, phát triển và suy vong của các thời kỳ lịch sử.

10.17. Lịch sử văn minh thế giới (02 tín chỉ)

Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày một số nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX. Bên cạnh đó, góp phần giúp sinh viên rút ra được quy luật phát triển, suy vong của các đế chế, nền văn minh trong lịch sử. Trên cơ sở đó, sinh viên biết trân trọng những giá trị trường tồn của các di sản văn minh trong lịch sử nhân loại....

10.18. Lịch sử văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Lịch sử văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này người học được trang bị các kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan tới văn hóa (Văn hóa học, Văn vật, Văn hiến, Cấu trúc và Thiết chế văn hóa), các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa và quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa. Đồng thời, hệ thống kiến thức diễn tiến lịch sử của nền văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho đến ngày nay. Trên cơ sở đó, người học tìm hiểu rõ hơn về không gian văn hóa Việt Nam qua các vùng văn hóa đặc trưng.

10.19. Lịch sử thế giới cổ - trung đại (04 tín chỉ)

Lịch sử Thế giới cổ trung đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về Lịch sử Thế giới cổ trung đại từ Thời kỳ xã hội nguyên thủy cho đến khi kết thúc xã hội phong kiến, thông qua việc trình bày các quốc gia, khu vực tiêu biểu, theo trình tự thời gian bao gồm : (1) Xã hội nguyên thủy ; (2) Ai Cập cổ đại ; (3) Lưỡng Hà cổ đại, (4) Ấn Độ cổ đại ; (5) Trung Quốc cổ đại ; (6) Hi Lạp cổ đại ; (7) La Mã cổ đại ; (8) Trung Quốc trung đại ; (9) Ấn Độ trung đại ; (10) Nhật Bản trung đại ; (11) Tây Âu sơ kỳ trung đại; (12) Tây Âu trung kỳ trung đại; (13) Tây Âu mạt kỳ trung đại... Bên cạnh đó, sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có thể tự rút ra được các quy luật vận động, phát triển của lịch sử nhân loại, của các nền văn minh.

10.20. Lịch sử thế giới cận đại (4 tín chỉ)

Lịch sử thế giới cận đại là môn học bắt buộc, tiếp nối của học phần Lịch sử thế giới cổ trung đại, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình phát triển của lịch sử thế giới cận đại (từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX) ở cả phương Đông và phương Tây. Trong đó, nội dung trọng tâm tập trung vào: Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại; cách mạng công nghiệp, sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; Quan hệ quốc tế thời cận đại; Quá trình xâm lược, chính sách cai trị và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh. Trên cơ sở kiến thức trên, sinh viên có thể vận dụng đánh giá vai trò, tác động của các sự kiện trên đến tiến trình phát triển của lịch sử thế giới. Từ đó, lý giải và dự đoán được sự vận động và phát triển của lịch sử thời hiện đại.

10.21. Lịch sử thế giới hiện đại (04 tín chỉ)

Lịch sử thế giới hiện đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến những năm đầu thế kỉ XXI. Bao gồm: Các vấn đề về Cách mạng tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho đến khi sụp đổ năm 1991; Quan hệ quốc tế và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Các nước Á, Phi và Mỹ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến những năm đầu thế kỉ XXI; Cách mạng khoa học kĩ thuật thời hiện đại. Trên cơ sở các kiến thức trên, học sinh biết vận dụng để giải thích các sự kiện nổi bật trên cơ sở thế giới quan khoa học: nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh, sự hình thành và sụp đổ của trật tự hai cực Ianta... Dự đoán xu thế vận động và phát triển của lịch sử thế

hiện qua một số kịch bản: CNXH; CNTB; Sự thay đổi về tương quan lực lượng trong quan hệ quốc tế...

10.22. Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại (5 tín chỉ)

Lịch sử Việt Nam cổ trung đại là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại từ khi con người bắt đầu xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) trên nhiều phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Trên cơ sở hiểu được những kiến thức cơ bản đó, sinh viên nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại.

Môn học cung cấp nền tảng kiến thức để người học tiếp tục học các môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc như: Lịch sử Việt Nam cận đại, Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam, Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI), Lịch sử ngoại giao Việt Nam và các các môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam, Làng xã Việt Nam, Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

10.23. Lịch sử Việt Nam cận đại (4 tín chỉ)

Lịch sử Việt Nam cận đại là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, sâu rộng về lịch sử Việt Nam cận đại từ khi thực dân Pháp xâm lược (1858) đến Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời (1945) trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Trên cơ sở nắm được những kiến thức cơ bản đó, sinh viên nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam cận đại (1858 – 1945).

10.24. Lịch sử Việt Nam hiện đại (5 tín chỉ)

Là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kỳ hiện đại giai đoạn từ 1945 đến nay. Nội dung cơ bản ở giai đoạn này là: nước Việt Nam xây dựng và bảo vệ chế độ cộng hòa; hoạt động ngoại giao nâng cao vị thế của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp; công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước (1954-1975); Cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ trước và sau đổi mới... Các vấn đề trên sẽ được trình theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

Môn Lịch sử Việt Nam hiện đại giúp người học có cơ sở nền tảng để tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu những chuyên đề chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam giai đoạn hiện đại.

10.25. Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam (2 tín chỉ)

“Vương quốc cổ Chăm-pa, Phù Nam” là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vương quốc Chăm-pa, vương quốc Phù Nam trên các lĩnh vực: lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm chính trị, xã hội, kinh tế và thành tựu văn hóa. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn vị trí của hai vương quốc trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại. Từ đó, sinh viên hiểu được những giá trị lịch sử, văn hóa và quá trình mở rộng lãnh thổ của dân tộc Việt Nam.

10.26. Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI) (3 tín chỉ)

“Biển đảo Việt Nam trong lịch sử” là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, tiềm năng, hệ thống các đảo và quần đảo của biển Đông; quá trình xác lập và thực thi các quyền hợp pháp trong các vùng biển, đảo của Việt Nam từ thế kỷ X đến nay; thực trạng chiếm đóng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam; quan điểm của Nhà nước CHXHCN Việt Nam về vấn đề biển đảo. Việc khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam sẽ giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về lãnh thổ, biên giới quốc gia. Đồng thời, qua đó khẳng định được ý thức bảo vệ chủ quyền, lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ biển đảo Việt Nam trong bối cảnh phức tạp như hiện nay.

10.27. Lịch sử ngoại giao Việt Nam (3 tín chỉ)

Lịch sử ngoại giao Việt Nam là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của ngoại giao cũng như những sự kiện, nhân vật ngoại giao Việt Nam từ khi Nhà nước phong kiến độc lập ra đời cho đến năm 2000. Trên cơ sở đó người học sẽ hiểu được bản chất của ngoại giao.

Môn học này có quan hệ mật thiết với các học phần Lịch sử Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về một khía cạnh của lịch sử Việt Nam.

10.28. Thực tế Lịch sử Việt Nam (01 tín chỉ)

Môn học thực tế chuyên môn lịch sử Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm các nội dung sau:

- Thực tế chuyên môn lịch sử Việt Nam cổ - trung đại: thông qua các hoạt động thực tế tại: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, di tích Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế, phố cổ Hội An, Bảo tàng Chàm (Thành phố Đà Nẵng);

- Thực tế chuyên môn Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, di tích Pác Bó (Cao Bằng), di tích An Toàn Khu – ATK (Định Hóa, Thái Nguyên), di tích Tân Trào (Tuyên Quang), di tích Thành cổ Quảng Trị, Địa đạo Vĩnh Mốc (Quảng Trị), Nghĩa Trang Trường Sơn, Ngã ba Đồng Lộc, Cố đô Huế.

Môn học giúp người học có những trải nghiệm thực tế, qua đó nắm vững và khắc sâu kiến thức chuyên ngành lịch sử Việt Nam.

10.29. Lịch sử Đông Nam Á (2 tín chỉ)

Lịch sử Đông Nam Á là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản đối với toàn bộ các vấn đề nổi bật của lịch sử Đông Nam Á, từ các khía cạnh điều kiện tự nhiên, sinh thái, nhân văn giai đoạn tiền, sơ sử đến quá trình hội nhập, phát triển của Đông Nam Á giai đoạn hiện đại. Đặc biệt, sinh viên rút ra được những đặc điểm, quy luật vận động, phát triển của lịch sử khu vực trong mối tương tác với lịch sử Việt Nam trong quá khứ, hiện tại, tương lai.

10.30. Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử (3 tín chỉ)

Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong lịch sử: Nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận - hiện đại; những thành tựu và hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp này đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Trên cơ sở đó giúp sinh viên biết trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử, nhận thức được những tác động hai mặt của các cuộc cách mạng công nghiệp và biết vận dụng những tác động hai mặt này để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên mạng xã hội, internet... Học phần *Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử* có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần bắt buộc của Lịch sử thế giới cận đại và hiện đại khi giúp người học hiểu sâu sắc về nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các cuộc cách mạng.

10.31. Lịch sử quan hệ quốc tế (2 tín chỉ)

Lịch sử quan hệ quốc tế là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận và sự biến động của quan hệ quốc tế bao gồm: Hệ thống lý luận và các lý thuyết nghiên cứu quan hệ quốc tế; quá trình hình thành và phát triển quan hệ quốc tế qua các thời kỳ lịch sử. Học phần *Lịch sử quan hệ quốc tế* có mối liên hệ chặt chẽ với

các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới cổ trung đại, cận đại và hiện đại khi giúp người học hiểu sâu sắc về mối quan hệ giữa các quốc gia trải qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau.

10.32. Tiếng Anh chuyên ngành (3 tín chỉ)

Tiếng Anh chuyên ngành là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử bao gồm các kiến thức về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới và Khoa học giáo dục. Qua học phần này sẽ cung cấp cho các em những khái niệm căn bản nhất của chuyên ngành Lịch sử. Qua các nội dung đọc, hiểu, phân câu hỏi sẽ củng cố hơn nữa khả năng sử dụng Tiếng Anh của sinh viên và giúp các em thêm yêu môn Lịch sử.

10.33. Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam (2 tín chỉ)

Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam” là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về chính sách ruộng đất của các chính quyền Nhà nước và tình hình ruộng đất ở Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập. Những kiến thức đó giúp người học nắm rõ và lý giải được nhiều nội dung, vấn đề của lịch sử; hiểu biết sâu sắc hơn về diễn tiến của các hình thái kinh tế - xã hội; đồng thời là cơ sở khoa học góp phần giải quyết những vấn đề về ruộng đất, nông dân, nông nghiệp hiện nay.

Học phần là sự cụ thể hóa kiến thức về chính sách phát triển kinh tế của các triều đại phong kiến Việt Nam trong môn Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

10.34. Làng xã Việt Nam (2 tín chỉ)

Làng xã Việt Nam là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan tới làng xã, quá trình hình thành và biến đổi của làng xã Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Thông qua đó, người học hiểu được các đặc trưng cơ bản nhất về kết cấu kinh tế, tổ chức xã hội và đời sống văn hóa của làng xã Việt Nam cũng như thấy được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa lịch sử của làng xã với lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Môn học cũng có mối liên hệ gần gũi, bổ trợ kiến thức qua lại cho các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945), Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

10.35. Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945) (2 tín chỉ)

Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945) là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về sự biến đổi của cơ cấu kinh tế - xã hội của Việt Nam thời cận đại (1858 – 1945). Học phần này chủ yếu tập trung giúp người học nhận thức một số vấn đề cơ bản: những yếu tố tác động đến biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam; khái quát quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế trên các khía cạnh chủ yếu là cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật; khái quát quá trình biến đổi cơ cấu xã hội trên phương diện chính là cơ cấu giai cấp. Trên cơ sở đó, người học đánh giá sự biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam (1858 – 1945) đối với lịch sử cận đại Việt Nam nói chung.

10.36. Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại (2 tín chỉ)

Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học, người học được trang bị kiến thức về 3 khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại gồm khuynh hướng phong kiến, khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng vô sản. Trên cơ sở đó giúp người học có những nhận thức đúng đắn về đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như công lao của Đảng đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Môn học này có quan hệ chặt chẽ với học phần Lịch sử Việt Nam cận đại, là sự cụ thể hóa và sâu chuỗi nội dung kiến thức theo mạch vấn đề.

10.37. Lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam (2 tín chỉ)

Lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Trọng tâm của môn học nhằm cung cấp cho người học kiến thức về nội dung hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam; cung cấp thông tin về các nguyên tắc điều chỉnh quan hệ kinh tế quốc tế theo WTO, các hình thức kinh tế quốc tế của nhà nước: ngoại thương, đầu tư quốc tế tại Việt Nam, xuất khẩu lao động, giao thông và du lịch quốc tế và việc hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức, liên minh kinh tế, tài chính quốc tế. Môn học sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về kinh tế Việt Nam, vận dụng nó trong bối cảnh hiện nay để thấy được những chính sách của Chính phủ đối với hoạt động kinh tế đối ngoại.

10.38. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học, người học được trang bị kiến thức về diễn trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá trong lịch sử Việt Nam. Đặc điểm nổi bật về hình thái, nội dung, kết quả của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá ở Việt Nam. Từ đó rút ra được nhận

thức về việc chọn lọc những yếu tố tiến bộ, những tinh hoa văn hóa thế giới phù hợp với văn hóa Việt Nam.

Môn học này có quan hệ mật thiết với môn Lịch sử văn hóa Việt Nam.

10.39. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (2 tín chỉ)

Là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu về lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa (quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội); quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Qua môn học này, giúp cho người học thấy được năng lực lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và vững tin hơn vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

10.40. Một số tôn giáo lớn trên thế giới (2 tín chỉ)

Một số tôn giáo lớn trên thế giới là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học không chỉ được trang bị những kiến thức lý luận về tôn giáo mà còn có được sự hiểu biết toàn diện về sự ra đời và phát triển của ba tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay là Kitô giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Đặc biệt, người học sẽ đánh giá được về vai trò, xu thế trong đời sống tôn giáo của Việt Nam và thế giới hiện nay. Học phần tập trung vào một lĩnh vực cụ thể của lịch sử là tôn giáo nên sẽ giúp cho người học có sự hiểu biết sâu sắc hơn về nội dung trong các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới từ cổ trung đại đến cận, hiện đại.

10.41. Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại (2 tín chỉ)

Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại là một môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này người học được trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành về điều kiện vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và thành tựu nổi bật của một số nền văn hóa như Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, Rôma, Tây Âu Trung Đại, Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Nam Á... trong thời kỳ cổ trung đại. Hơn nữa, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức tương đối hệ thống, tiến trình các giai đoạn, những nét đặc trưng của nền văn hóa truyền thống và quá trình giao lưu của văn minh thế giới. Đồng thời, việc nghiên cứu chuyên đề này giúp nhận thức được giá trị của các nền văn hóa truyền thống của nhân loại và sức ảnh hưởng của các nền văn hóa ấy với khu vực và thế giới.

Học phần *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại* có mối liên hệ liên hệ chặt chẽ với các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử thế giới cổ trung đại giúp cung cấp thêm kiến thức về cơ sở hình thành văn hóa và thành tựu văn hóa thế giới trong giai đoạn cổ trung đại

10.42. Các phong trào duy tân, cải cách ở Châu Á thế kỷ XIX-XX (2 tín chỉ)

Các phong trào cải cách ở châu Á thế kỷ XIX – XX là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức lý luận và thực tiễn về các phong trào duy tân cải cách ở châu Á thế kỷ XIX – XX bao gồm: hệ thống khái niệm; hoàn cảnh lịch sử đã làm nảy sinh các yêu cầu cải cách; nội dung, kết quả, ý nghĩa, tác động của các phong trào duy tân, cải cách. Từ đó, người học sẽ rút ra những kinh nghiệm, bài học cho công cuộc cải cách, đổi mới đang tiến hành ở Việt Nam và sự phát triển bản thân. Học phần giúp cho người học hiểu sâu sắc hơn nội dung của các học phần lịch sử thế giới thời kỳ cận đại và hiện đại.

10.43. Một số vấn đề về lịch sử Trung Đông (2 tín chỉ)

Một số vấn đề lịch sử Trung Đông là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về sự chuyển biến của khu vực Trung Đông từ cổ đại cho đến ngày nay bao gồm: điều kiện tự nhiên, con người, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và tôn giáo. Môn học còn cung cấp những lý giải về nguyên nhân, nguồn gốc của những phức tạp trong khu vực: sự ly tán của người Do Thái cũng như của người Arab; tình hình Trung Đông trong và sau chiến tranh lạnh, trên cơ sở đó có thể dự đoán được tình hình, có thể vận dụng được vào việc xử lý các vấn đề về quan hệ quốc tế.

Học phần *Một số vấn đề lịch sử Trung Đông* có mối quan hệ sâu sắc với các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới từ cổ trung đại đến cận hiện đại khi giúp cho người học hiểu rõ hơn về lịch sử của một khu vực cụ thể.

10.44. Một số tổ chức quốc tế và khu vực (2 tín chỉ)

Một số tổ chức quốc tế và khu vực là môn học phân tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức quốc tế và khu vực bao gồm: các khái niệm liên quan đến chuyên đề: toàn cầu hóa, khu vực hóa, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực. Tìm hiểu sự ra đời, mục đích, nguyên tắc hoạt động và những hoạt động chủ yếu của một số tổ chức tiêu biểu trên các lĩnh vực: chính trị (Hội Quốc Liên, Liên Hợp Quốc), quân sự - an ninh (NATO, Vacxava), kinh tế (WTO, APEC), tổ chức khu vực tiêu biểu (EU, ASEAN). Trên cơ sở những kiến thức trên, sinh viên có thể đưa ra đánh giá về vai trò, vị trí của các tổ chức quốc tế và khu vực trong đời sống chính trị thế giới. Từ đó, giúp sinh viên nâng cao nhận thức được về xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, giáo dục ý thức hội nhập quốc tế cho sinh viên.

10.45. Chủ nghĩa tư bản hiện đại (2 tín chỉ)

Chủ nghĩa tư bản hiện đại là môn học phân tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa tư bản hiện đại trên các khía cạnh: các học thuyết nghiên cứu về chủ nghĩa

tư bản, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ đầu thế kỷ XX đến thập niên đầu thế kỷ XXI; tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của một số nước/nhóm nước tư bản tiêu biểu như Mỹ, Nhật, Tây Âu. Trên cơ sở kiến thức trên, sinh viên có thể nhận thức được quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản, những biện pháp điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản khi đối phó với khủng hoảng để tồn tại và tiếp tục phát triển. Từ đó, sinh viên có thể hiểu được tiềm năng cũng như những giới hạn của chủ nghĩa tư bản và dự đoán xu thế phát triển của chủ nghĩa tư bản trong tương lai.

10.46. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những đặc tính cơ bản, những đặc điểm, quy luật chung của tâm lý, ý thức con người như là đặc tính của bộ não và của sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan.

Học phần có quan hệ với các học phần khác trong CTĐT như: Triết học Mác-Lênin, Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.

10.47. Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và học sinh THPT, những quy luật tâm lý của các quá trình giảng dạy và giáo dục đối với học sinh; đồng thời hình thành tình cảm của sinh viên với nghề sư phạm thông qua hiểu biết về vai trò, vị trí và các yêu cầu phẩm chất, năng lực của người thầy giáo. Học phần có quan hệ với các học phần khác như: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Phương pháp giảng dạy môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

10.48. Những vấn đề chung về giáo dục học (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm: những vấn đề chung về giáo dục và giáo dục học - một khoa học về giáo dục con người; mục đích, tính chất, nguyên lý giáo dục và những nhiệm vụ, nội dung giáo dục; công tác quản lý nhà trường; người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như : Tâm lý học đại cương, Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông.

10.49. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và nội dung, phương pháp công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học; Những vấn đề chung về giáo dục học; Phương pháp giảng dạy bộ môn; Thực hành sư phạm.

10.50. Lý luận dạy học Lịch sử (2 tín chỉ)

Lý luận dạy học lịch sử là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: nhận thức được các khái niệm cơ bản; trình bày được nguyên tắc xây dựng chương trình và những nội dung cơ bản của chương trình môn lịch sử ở trường trung học hiện nay; Mục tiêu môn lịch sử ở trường

phổ thông; Vai trò và cấu tạo của sách giáo khoa lịch sử hiện hành; chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông; các biện pháp hình thành tri thức lịch sử cho học sinh; nội dung và biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức và thực hành trong dạy học lịch sử ở trường trung học.

Mối quan hệ với các học phần khác: Môn Lý luận dạy học Lịch sử là cơ sở, tiền đề để sinh viên tiếp cận hệ thống các PPDHLS và các hình thức kiểm tra đánh giá.

10.51. Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học (3 tín chỉ)

Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức trọng tâm về: hệ thống khái niệm và quy trình triển khai các phương pháp khác nhau trong dạy học lịch sử ở trường trung học; các yếu tố chi phối việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng môn học; các biện pháp hướng dẫn học sinh phương pháp học môn Lịch sử. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, môn học giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành dạy học sử dụng hệ thống phương pháp DH LS ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

10.52. Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường trung học (3 tín chỉ)

Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: hệ thống khái niệm, quy trình triển khai và vị trí, vai trò của các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học (dạy học trên lớp, dạy học ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa); các tiêu chí phân loại và đặc điểm của từng loại bài học trong môn Lịch sử; các biện pháp hướng dẫn học sinh học môn Lịch sử phù hợp với loại bài. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, môn học giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: tổ chức triển khai bài học Lịch sử ở trên lớp, ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa cho học sinh ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

10.53. Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực (2 tín chỉ)

Đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm Lịch sử.

Kiểm tra đánh giá trong DHLS ở trường phổ thông theo hướng định hướng phát triển năng lực là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá năng lực trong giáo dục nói chung và trong hoạt động dạy - học nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu của môn học, bài học; xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực... làm cơ sở cho việc xây dựng một qui trình đánh giá kết quả học tập môn học một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này giúp giáo viên và học sinh không những đánh giá, tự đánh giá kết quả của quá trình dạy học, mà còn giúp thu thập các thông tin phản hồi hữu ích, giúp điều chỉnh quá trình dạy học để đạt mục tiêu dạy học phát triển năng lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, môn học tạo cơ hội cho SV được thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Môn học có mối quan hệ với các môn học thuộc khối ngành nghiệp vụ như: Lý luận dạy học Lịch sử; Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

10.54. Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học (2 tín chỉ)

Kỹ thuật dạy học Lịch sử là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: khái niệm, đặc trưng, các loại kỹ thuật dạy học và yêu cầu khi vận dụng các kỹ thuật trong dạy học Lịch sử; quy trình triển khai các kỹ thuật; ưu điểm và nhược điểm của một số kỹ thuật dạy học môn Lịch sử. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành lựa chọn và sử dụng các kỹ thuật trong dạy học môn Lịch sử trường trung học; đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

Mối quan hệ với các môn học khác: Môn Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần phương pháp.

10.55. Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử (2 tín chỉ)

Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và khoa học giáo dục là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học, bài báo khoa học. Môn học sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng môn học và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, seminar...

10.56. Thực hành sư phạm 1 (2 tín chỉ)

** Thực hành công tác chủ nhiệm (01 tín chỉ):*

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: trường trung học; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định các

kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; quản lý hành vi của học sinh trên lớp học để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giáo dục trong nhà trường trung học.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

** Thực hành giảng dạy (01 tín chỉ):*

Thực hành giảng dạy 1 là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học hướng dẫn sinh viên thực hành rèn luyện và phát triển các kỹ năng giảng dạy cần thiết gắn với các chủ đề/bài học trong chương trình/SGK môn Lịch sử ở trường trung học. Mỗi sinh viên được thực hành từng kỹ năng cơ bản (trong thời gian 30-45'). Sau khi tập giảng sẽ nhận được sự nhận xét, góp ý, đánh giá của các sinh viên trong lớp cùng GV hướng dẫn về kiến thức, phương pháp giảng dạy, khả năng quản lý lớp học, KTĐG kết quả học tập của học sinh. Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã có nền tảng kiến thức cơ bản của các môn học Hệ thống PPDHLS và Lí luận DHLS.

10.57. Thực hành sư phạm 2 (2 tín chỉ)

** Thực hành công tác chủ nhiệm (01 tín chỉ):*

Học phần tập trung vào việc tổ chức cho sinh viên thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong nhà trường trung học.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

** Thực hành giảng dạy (01 tín chỉ):*

Thực hành sư phạm 2 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học hướng dẫn sinh viên thực hành rèn luyện và phát triển các kỹ năng giảng dạy cần thiết gắn với các chủ đề/bài học trong chương trình/SGK môn Lịch sử ở trường THPT. Mỗi sinh viên được thực hành từng kỹ năng cơ bản (trong thời gian 30-45'). Sau khi tập giảng sẽ nhận được sự nhận xét, góp ý, đánh giá của các sinh viên trong lớp cùng GV hướng dẫn về kiến thức, phương pháp giảng dạy, khả năng tổ chức, quản lý lớp học, KTĐG kết quả học tập của học sinh. Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã có nền tảng kiến thức cơ bản của các môn học về Hệ thống PPDHLS, Lí luận DHLS và Kiểm tra đánh giá.

10.58. Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học

Học phần tập trung vào cơ sở lí thuyết để tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học; Khái niệm, mục đích và nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp; các kỹ năng và liệu pháp trong các giai đoạn tư vấn hướng nghiệp cá nhân; Hỗ trợ học sinh trung học phát triển các năng lực hướng nghiệp.

10.59. Tham vấn học đường (2 tín chỉ)

Học phần tập trung cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về hoạt động tham vấn học đường bao gồm: Những vấn đề chung của tham vấn học đường; Yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường; Những nhóm kỹ năng cần thiết của một người làm tham vấn học đường.

10.60. Giao tiếp sư phạm (2 tín chỉ)

Môn học tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường trung học; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm;

Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm; gián tiếp qua các môn học khác;

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm;

10.61. Những vấn đề giáo dục cần cập nhật (2 tín chỉ)

Tập trung vào vấn đề đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông nói riêng

Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân

Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào? Kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực

Có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình: Giáo dục học

10.62. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường trung học (2 tín chỉ)

Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Lịch sử ở trường trung học là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: khái niệm, mục tiêu, điều kiện, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Lịch sử ở trường trung học; nội dung, quy trình xây dựng chương trình; các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Lịch sử cho học sinh. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Lịch sử cho học sinh ở trường trung học; đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên. Môn học có thể tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng những kiến thức về lý luận dạy học, kiểm tra đánh giá, hệ thống phương pháp dạy học vào thực tế.

10.63. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học (2 tín chỉ)

Ứng dụng CNTT trong DHLS ở trường trung học là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên được trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Kỹ thuật triển khai dạy học hiệu quả (giới thiệu một số phương pháp dạy học hiện hành); Lập kế hoạch môn học, thiết kế bài giảng, soạn giáo án; Quan điểm, định hướng về công nghệ, phương tiện trong quá trình dạy học, một số ứng dụng công nghệ cụ thể trong dạy học.

10.64. Phát triển chương trình môn học Lịch sử ở trường trung học (2 tín chỉ)

Phát triển chương trình giáo dục môn Lịch sử ở nhà trường phổ thông là môn học tự chọn trong khối kiến thức nghiệp vụ.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình nhà trường và cách thức phát triển chương trình, cách phân tích, đánh giá và quản lý, tổ chức thực hiện chương trình nhà trường. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phát triển, phân tích, đánh giá và quản lý, tổ chức thực hiện chương trình nhà trường. Ngoài ra, môn học tạo cơ hội cho SV được thực hành thiết kế mục tiêu và nội dung chương trình môn Lịch sử ở trường trung học.

Môn học gắn bó mật thiết với các môn kiến thức nghiệp vụ sư phạm như: Lý luận dạy học Lịch sử, Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học.

10.65. Xây dựng chuyên đề trong dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực (2 tín chỉ)

Xây dựng chuyên đề trong dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong môn học này giúp sinh viên nắm được những cơ sở xây dựng chuyên đề dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực (tìm hiểu thực tiễn dạy học môn Lịch sử trong nhà trường trung học ở Việt Nam; xu thế dạy học phân hóa và dạy học tích hợp của thế giới; đặc trưng của chuyên đề Lịch sử). Từ đó hướng dẫn SV quy trình.

10.66. Một số vấn đề phương pháp dạy học Lịch sử (3 tín chỉ)

Một số vấn đề phương pháp dạy học Lịch sử là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống công cụ hỗ trợ việc dạy học Lịch sử ở trường trung học gồm: các phần mềm công nghệ thông tin; tư liệu gốc; công cụ hỗ trợ kiểm tra đánh giá. Trong đó, các nội dung đều đi từ vấn đề lý luận chung đến hướng dẫn sử dụng các công cụ cụ thể. Ngoài ra, môn học tạo cơ hội cho SV được thực hành, sử dụng hệ thống công cụ hỗ trợ vào dạy học những nội dung bài học cụ thể trong chương trình môn Lịch sử ở trường trung học.

10.67. Một số vấn đề lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ)

Là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Lịch sử.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Nội dung cơ bản là: sự hình thành và tổ chức của nhà nước Văn Lang, nền văn minh sông Hồng, sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XIX, nước Việt Nam xây dựng và bảo vệ chế độ cộng hòa; đánh giá về nhà Nguyễn, cuộc vận động dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, sự ra đời của Đảng và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, hoạt động ngoại giao nâng cao vị thế của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, sự nghiệp đổi mới đất nước (1886 – 2005... Các vấn đề trên sẽ được trình theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

10.68. Một số vấn đề lịch sử thế giới (3 tín chỉ)

Một số vấn đề lịch sử thế giới là một môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành thay thế trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản, trọng tâm xuyên suốt trong lịch sử thế giới từ cổ đại, trung đại đến cận đại, hiện đại. Trong đó đối với phần lịch sử thế giới cổ trung đại chủ yếu tập trung vào một số vấn đề liên quan đến lịch sử Trung Quốc, Tây Âu và quá trình tiếp xúc giao lưu Đông-Tây trong giai đoạn cổ trung đại. Qua đó giúp sinh viên có những nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn về lịch sử nhân loại, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi quá trình tiếp xúc, hội nhập quốc tế ngày càng trở lên cấp thiết. Đối với giai đoạn lịch sử thế giới cận đại, học phần này chủ yếu tập trung vào việc cung cấp những kiến thức trọng tâm liên quan đến nguyên nhân, sự bùng nổ của các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản. Điều này giúp cho sinh viên có nhận thức đúng về ý nghĩa, tác động của các cuộc cách mạng tư sản đối với lịch sử thế giới nói chung và lịch sử châu Âu-Á nói riêng. Phần lịch sử thế giới hiện đại tập trung vào một số vấn đề của lịch sử thế giới, trong đó chú trọng đến một số nội dung như thế giới trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh...

11. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo²

11.1. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó:

11.1.1. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phân:

a) Lớp ngành học

Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

² Dựa theo Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2, mô tả cách thức tổ chức thực hiện CTĐT cho các bên liên quan đến quá trình thực hiện chương trình, đặc biệt là cán bộ quản lý CTĐT, giảng viên và sinh viên.

b) Lớp học phần

Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lí học phần có trách nhiệm chuyên danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kỳ và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kỳ chính và tuần thứ 3 của học kỳ phụ.

11.1.2. Đăng kí khối lượng học tập

a) Khối lượng học tập trong mỗi học kỳ

Khối lượng tối thiểu không ít hơn $2/3$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá $3/2$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Đăng ký học

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khóa biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 1 tháng. Đăng ký bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ. Đăng ký muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

- Riêng đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

c) Đăng ký học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do chương

trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy:

Ngoài hai trường hợp đăng ký học lại ở trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng ký

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký đối với năm học có 02 học kỳ chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 03 học kỳ chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

11.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

+ Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

+ Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

+ Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

+ Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

+ Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

+ Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

+ Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

+ Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

+ Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

+ Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

+ Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

+ Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

- Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

- Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

11.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng

11.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

11.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

11.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

11.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG